

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2022/HS-ST
Ngày 04-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Kiên

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc T**, sinh năm 1999, tại Đăk Lăk.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 11, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn 03, xã Ia Tô, huyện G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc H1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981; bị cáo có vợ tên: Phan Thị Vân T1, sinh năm 1993; có 01 người con sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Quốc T bị tạm giữ từ ngày 19-6-2022, đến ngày 28-6-2022 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 05, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

- Người tham gia tố tụng khác: Người chứng kiến ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 05, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần Quốc T sử dụng ma túy loại Methamphetamine từ tháng 4 năm 2022. Vào khoảng 0 giờ 30 phút ngày 19/6/2022, do muốn có ma túy để sử dụng nên T đã đón taxi đi từ nhà T ở thôn 03, xã Ia Tô, huyện G, tỉnh Gia Lai đến thành phố P, mục đích để tìm nơi mua ma túy. Trên đường đi, T có hỏi lái xe taxi có biết chỗ nào mua ma túy không, thì người lái xe này giới thiệu cho T người bán ma túy tên là V. Sau đó, tài xế xe taxi có gọi điện thoại cho V hỏi mua ma túy cho T, rồi hẹn V đến khu đèn xanh, đèn đỏ đường Nguyễn Văn Cừ - đường Trần Nhật Duật, Tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, xe taxi chở T đã đến chỗ hẹn, T xuống xe, còn xe taxi thì chạy về hướng trung tâm thành phố P. Lúc này, T đi đến khu vực đèn xanh - đèn đỏ gặp V và T đã mua của V một gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc và đón xe taxi khác chở T về nhà. Đến 13 giờ cùng ngày, T mang theo gói ma túy rồi đi xe taxi chở từ nhà T đến nhà nghỉ Cát Hạ, thuộc tổ 05, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai thuê phòng số 102 với mục đích để sử dụng ma túy.

Đến 13 giờ 30 ngày 19-6-2022, khi T đang ở phòng 102 nhà nghỉ Cát Hạ chưa kịp sử dụng số ma túy đã mua thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Pleiku phối hợp với Công an phường Ia Kring tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng; thu giữ trong túi quần bên phải của T đang mặc, gồm: 01 vỏ bao thuốc lá JET bên trong có 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen kèm thẻ sim (mặt sau có dãy số 8984 08000 3868 80025) và 350.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại bản Kết luận giám định số 428/KL-KTHS, ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“01 (một) gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,4900 gam”*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định số 428/KL-KTHS, ngày 28-6-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen kèm thẻ sim cùng số tiền 350.000 đồng là tài sản cá nhân của T, không liên quan đến hành vi phạm tội. Chiếc điện thoại kèm thẻ sim và 350.000 đồng cùng số ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 428/PC09 ngày 28-6-2022, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai; 01 vỏ bao thuốc lá JET, Cơ quan điều tra chuyển theo vụ án để xử lý.

Đối với đối tượng tên V mà bị cáo T khai đã bán ma túy cho T: Do T không biết được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của T nhưng không xác định

được số điện thoại của V và nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma túy; đồng thời đã xác minh tại khu vực T khai mua ma túy, nhưng không xác định được đối tượng nào tên là V bán ma túy. Do đó, chưa có căn cứ để điều tra xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau.

Đối với chị Phan Thị Vân T1 (là vợ của T) ở cùng nhà với bị cáo T tại thôn 03, xã Ia Tô, huyện I, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, việc T mua ma túy mang về cất giấu để sử dụng thì chị T1 không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Trần T2, trú tại tổ 05 phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai là chủ nhà nghỉ Cát Hạ. Qua điều tra xác định ông T2 không biết Trần Quốc T mang ma túy đến nhà nghỉ để sử dụng, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi chứa chấp trái phép chất ma túy.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 170/CT-VKS, ngày 03-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Trần Quốc T; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Quốc T mức án từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Qua xác định bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn, ghi số 428/PC09 ngày 28-6-2022 có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 vỏ bao thuốc lá JET.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 350.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen kèm thẻ sim. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Quốc T không có ý kiến tranh luận về lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Bị cáo Trần Quốc T nói lời nói sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm đoàn tụ với gia đình chăm sóc vợ, con còn nhỏ dại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Quốc T là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19-6-2022, tại phòng số 102 nhà nghỉ Cát Hạ, tổ 05 phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi bị cáo T đang cất giấu 0,4900 gam ma túy, loại Methamphetamine chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Pleiku phối hợp với Công an phường Ia Kring tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

[3] Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II được ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ. Việc sản xuất, vận chuyển, tàng trữ các chất ma túy này phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Hành vi cất giữ 0,4900 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng mà bị cáo Trần Quốc T đã thực hiện, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo Trần Quốc T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Bị cáo Trần Quốc T là người đã trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội; bản thân bị cáo là người có sử dụng ma túy, biết được tác hại của ma túy, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác; nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên cố ý cất giữ 0,4900 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với chị Phan Thị Vân T1, là vợ của T ở cùng nhà với bị cáo T tại thôn 03, xã Ia Tô, huyện I, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, việc T mua ma túy mang về cất giấu để sử dụng thì chị Thủy không biết nên không có căn cứ để xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Đối với ông Trần T2 là chủ nhà nghỉ Cát Hạ. Qua điều tra xác định ông T2 không biết Trần Quốc T mang ma túy đến nhà nghỉ để sử dụng, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi chứa chấp trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Đối với đối tượng V mà bị cáo T khai đã bán ma túy cho T: Do T không biết được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của T nhưng không xác định được số điện thoại của V và nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma túy; đồng thời đã tiến hành xác minh tại khu vực T khai mua ma túy, nhưng không xác định được đối tượng V bán ma túy. Do đó, chưa có căn cứ để điều tra xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về vật chứng: Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 428/PC09 ngày 28-6-2022, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vỏ bao thuốc lá JET mà bị cáo dùng để ma túy cất trong túi quần nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen kèm thẻ sim và số tiền 350.000 đồng là tài sản cá nhân của T, qua điều tra cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên đề nghị của Viện kiểm sát trả lại cho bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 19 tháng 6 năm 2022).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì công văn ghi số 428/PC09 ngày 28-6-2022, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 (một) vỏ bao thuốc lá JET (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen kèm sim số.

(Tất cả vật chứng nêu trên có số lượng, đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 10 năm 2022 giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần quốc T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Công Tồn